***Ngày soạn: .................................................***

***Ngày giảng: ...............................................***

**Tiết 50, Bài 43: MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ**

1. **Mục tiêu:**

**1) Kiến thức:**

- Xác định vị trí giới hạn của miền trên bản đồ: Bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ còn lại ở phía nam nước ta từ Đà Nẵng tới Cà Mau trong đó có 2 quần đảo lớn Hoàng Sa và Trường Sa và nhiều đảo khác.

- Địa hình chia làm 3 khu vực:

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm điển hình, nóng quanh năm.

- Tài nguyên phong phú, tập trung dễ khai thác, đặc biệt là đất, quặng boxit, dầu khí

**2) Kỹ năng:**

- Phân tích so sánh với 2 miền địa lí đã học.

- Phân tích bản đồ, biểu đồ, các mối liên hệ địa lí.

1. **Chuẩn bị của giáo viên và học sinh: 1)Giáo viên:**- Bản đồ tự nhiên VN.

- Bản đồ miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ - Tranh ảnh liên quan.

**2) Học sinh**: Chuẩn bị như nội dung dặn dò ở tiết trước

1. **Hoạt động trên lớp:**

**1) Ổn định:**

**2)Kiểm tra bài cũ**

**3) Bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - hs** |  |  |  | **Ghi bảng** |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **\* HĐ1:** Cả lớp. Dựa hình 43.2 + Bản đồ tự |  | **1) vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ:** |  |  |  |
| nhiên VN |  | - Gồm toàn bộ phần phía Nam từ |  |  |
| 1) Xác định vị trí giới hạn của miền trên bản |  | Đà Nẵng đến Cà Mau. |  |  |
| đồ TNVN? So sánh diện tích lãnh thổ của |  | - Gồm Tây nguyên, duyên hải nam |  |  |
| miền với 2 miền đã học? |  | trung bộ và ĐB Nam bộ |  |  |
| 2) Vị trí đó ảnh hưởng gì tới khí hậu của |  | **2) Một miền nhiệt đới gió mùa** |  |  |
| miền? |  | **nóng quanh năm, có mùa khô** |  |  |
| **\* HĐ2:** Nhóm. Dựa thông tin sgk + Kiến thức |  | **sâu sắc:** |  |  |  |
| đã học hãy |  | **a) Từ dãy Bạch Mã (16** | **0** | **B) trở** |  |  |
|  |  |
| 1) Chứng minh miền NTB và Nam Bộ có khí |  | **vào:** |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| hậu nhiệt đới nóng quanh năm, có 1 mùa khô |  | - T0 TB năm cao: >250C. Biên độ |  |  |
| sâu sắc? |  | nhiệt giảm rõ rệt, dao động 3 -> |  |  |
| 2) Giải thích tại sao? |  | 70C. |  |  |
| - HS báo cáo |  | **b) Chế độ mưa không đồng nhất:** |  |  |  |
| - Nhóm khác nhận xét, bổ xung |  | - Khu vực duyên hải NT Bộ có |  |  |
| - GV chuẩn kiến thức: |  | mùa khô kéo dài, nhiều nơi bị hạn |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| *GV: Nguyễn Văn Chung* |  |  |  | *Trang 180* |  |  |

Kế hoạch dạy học Địa lý 8

|  |  |
| --- | --- |
| + Nằm ở vĩ độ thấp => Nhận được lượng nhiệt | gay gắt, mùa mưa đến muộn và tập |
| và ánh sáng Mặt Trời lớn hơn các vùng phía | trung trong thời gian ngắn (tháng |
| Bắc | 10,11) |
| + Gió mùa đông bắc bị dãy Bạch Mã chặn lại | - Khu vực Nam Bộ và Tây nguyên: |
| nên nhiệt độ không bị giảm mạnh => Biên độ | Mùa mưa kéo dài 6 tháng từ tháng |
| nhiệt nhỏ. | 5-> 10 chiếm 80% lượng mưa cả |

1. Duyên hải NTB: Mùa mưa ngắn, mưa đến năm. Mùa khô thiếu nước nghiêm muộn (tháng 10,11). Mùa khô do mưa ít nhiệt trọng.

độ cao, lượng nước bốc hơi lớn vượt xa lượng **3) Trường Sơn nam hùng vĩ và**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| mưa nên độ ẩm cực nhỏ => Là nơi khô hạn | **đồng bằng nam bộ rộng lớn:** |  |
| nhất nước ta. | **a) Trường Sơn nam:** |  |
| + Tây Nguyên Nam Bộ: Mùa mưa dài 6 tháng | - Hình thành trên một miền bằng cổ |
| (tháng 5->10) chiếm 80% lượng mưa cả năm | được Tân Kiến Tạo nâng lên mạnh |
| => Mùa khô thiếu nước trầm trọng. | mẽ. |
| **\*HĐ3:** Cá nhân/cặp. Dựa H43.1 + bản đồ | - Là khu vực núi cao và cao nguyên |
| TNVN, thông tin sgk cho biết: | rộng lớn, hùng vĩ. |
| 1) Miền NTB và Nam Bộ có những khu vực | - Cảnh quan nhiệt đới trở nên đa |
| địa hình nào? | dạng, nhưng có phần mát mẻ, lạnh |

1. Xác định đọc tên các đỉnh núi cao > 2000m giá của khí hậu miền núi và cao và các cao nguyên badan. Nơi phân bố? nguyên.

|  |  |
| --- | --- |
| Nguyên nhân hình thành khu vực núi và cao | **b) Đồng bằng Nam Bộ:** |
|  |  |  |
| nguyên trên? | - Hình thành và phát triển trên một |
| 3) Xác định vị trí đồng bằng Nam Bộ? Có đặc | miền sụt võng lớn được phù sa của |
| điểm gì khác với đồng bằng sông Hồng? | các sông bồi dắp - Là vùng đồng |
| Nguyên nhân hình thành do đâu? | bằng rộng lớn, chiếm >1/2 diện |
| - HS báo cáo -> Nhận xét, bổ xung. | tích đất phù sa của cả nước. |
| - GV chuẩn kiến thức: | **4) Tài nguyên phong phúvà tập** |
| **\* HĐ4:** Nhóm. Dựa thông tin sgk + Kiến thức | **trung, dễ khai thác:** |  |
| đã học cho biết: | **a) Khí hậu -Đất đai:** |
|  |  |  |  |
| 1) Miền NTB và Nam Bộ có những tài nguyên | -K/h: Có mùa khô gay gắt nhưng |
| gì? Giá trị kinh tế như thế nào? | nhìn chung khí hậu-đất đai thuận |
| 2) Để phát triển bền vững, khi khai thác, sử | lợi cho sx nông - lâm nghiệp và |
| dụng nguồn tài nguyên chúng ta phải làm gì? | nuôi trồng thủy sản với quy mô |
| - Nhóm lẻ: Tài nguyên Khí hậu - Đất. | lớn. |
| - Nhóm chẵn: Tài nguyên Rừng, Biển, Khoáng | **b) Tài nguyên rừng:** |  |
| sản. Đại diện 2 nhóm báo cáo. | - Phong phú, nhiều kiểu loại sinh |
| - Các nhóm khác nhận xét, bổ xung. | thái. Rừng phân bố rộng rãi từ |
| - GV chuẩn kiến thức. | miền núi Trường Sơn, Tây Nguyên |
|  | tới các đồng bằng ven biển. |
|  | - Diện tích rừng chiếm gần 60% |
|  | diện tích rừng cả nước: Có nhiều |
|  | sinh vật quý hiếm. |
| *GV: Nguyễn Văn Chung* |  |  |  | *Trang 181* |

Kế hoạch dạy học Địa lý 8

**c) Tài nguyên biển:**

- Đa dạng và có giá trị lớn.

- Bờ biển NTBộ có nhiều vịnh

nước sâu, kín để xây dựng các hải

cảng

- Thềm lục địa phía nam có nhiều

dầu khí

- Trên vùng biển còn có nhiều đảo

yến giàu có, những đảo san hô,

những ngư trường lớn: Hoàng Sa -

Trường Sa, Ninh Thuận - Bình

Thuận,…

**4) Củng cố**

1. Đánh dấu x vào ô trống trong bài tập sau sao cho phù hợp với các đặc điểm của 2 đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long:

**5. HDVN**

- Trả lời câu hỏi, bài tập sgk/151

- Chuẩn bị bài thực hành 44 sgk/153: HS các nhóm tự tìm hiểu và chuẩn bị trước.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***